TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10/8/2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Út.
2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/3/2018 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ S, khu phố M, phường T, thị xã H, Kiên Giang.
2. Bị đơn: Ông Võ Anh Q, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ S, khu phố M, phường T, thị xã H, Kiên Giang.
Bà Kim H có mặt, ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà và ông Võ Anh Q kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Q.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Võ Thành Tr, giới tính nam, sinh ngày 18/01/2006; Võ Thành T, giới tính nam, sinh ngày 08/02/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành

và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, tại bản tự khai ngày 28/5/2018 ông Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được UBND phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2006. Trong thời gian chung sống với nhau thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hiện nay không thể hàn gắn, đoàn tụ chung sống cùng nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đời sống chung không thể kéo dài nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Võ Thành Tr, giới tính nam, sinh ngày 18/01/2006; Võ Thành T, giới tính nam, sinh ngày 08/02/2010. Khi ly hôn ông đồng ý giao hai đứa con cho bà Kim H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà Kim H ly hôn với ông Q. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai con chung cho bà Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Võ Anh Q đang cư trú tại khu phố M, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Anh Q có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Võ Anh Q kết hôn năm 2006, hôn nhân do ông bà tự nguyện và được UBND phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/02/2006. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Kim H, ông Q đều xác nhận quan hệ hôn nhân của ông bà đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hiện nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không muốn

quay về đoàn tụ. Xét thấy hôn nhân của bà Kim H, ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình thụ lý giải quyết bà Kim H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn với ông Q; Tại bản tự khai ngày 28/5/2018 ông Q cũng thống nhất ly hôn nhưng khi triệu tập hòa giải và xét xử tại phiên tòa ông Q có đơn xin vắng mặt nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần chấp nhận cho bà Kim H được ly hôn với ông Q.

[4] Về con chung: Ông bà có hai người con chung tên Võ Thành Tr, giới tính nam, sinh ngày 18/01/2006; Võ Thành T, giới tính nam, sinh ngày 08/02/2010, hiện nay hai con đang sống cùng bà Kim H. Khi ly hôn bà Kim H có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, ông Q cũng thống nhất ý kiến của bà Kim H, ông đồng ý giao hai con cho bà Kim H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét theo nguyện vọng của cháu Tr và cháu T thì hai cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao cả hai con chung cho bà Kim H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến bà Kim H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Tài sản và nợ chung: Bà Kim H và ông Q đều trình bày không có tài sản chung và cũng không có nợ nần gì ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện nên phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim H với ông Võ Anh Q.

- Về con chung: Giao cháu Võ Thành Tr, giới tính nam, sinh ngày 18/01/2006 và cháu Võ Thành T, giới tính nam, sinh ngày 08/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà Kim H không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Võ Anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật

- Tài sản và nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không phải giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ tiền tạm ứng án phí

bà Kim H đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0004498 ngày 28 tháng 3 năm 2018, nay bà không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành